TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN Ô MÔN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 07/2020/DS-ST
Ngày: 05-8-2020
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản và Đòi lại tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN Ô MÔN –THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Trần Thanh Thế.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Sô Huy.

2. Bà Phạm Thị Bích Vân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Như Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân quận Ô Môn.

- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân quận Ô Môn tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Phước.

Trong ngày 05 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 59/2020/TLST-DS ngày 20 tháng 02 năm 2020 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và Đòi lại tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2020/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Trần Thị Ngọc Th**, sinh năm 1980. *(có mặt)*
Địa chỉ: Khu vực T, phường L, quận M, thành phố Cần Thơ.

Bị đơn: Bà **Trần Mỹ H**, sinh năm 1967. *(có mặt)*
Địa chỉ: Khu vực T, phường L, quận M, thành phố Cần Thơ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông **Nguyễn Việt D**, sinh năm 1966. *(có đơn xin vắng mặt)*
Địa chỉ: Khu vực T, phường L, quận M, thành phố Cần Thơ.
- Bà **Trần Thanh T**, sinh năm 1974. *(có đơn xin vắng mặt)*
Địa chỉ: Khu vực T, phường L, quận M, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Nguyên đơn bà Trần Thị Ngọc Th trình bày:***

Ngày 09/01/2015, bà có cho bà Trần Mỹ H vay số tiền 90.000.000 đồng để bổ sung vốn kinh doanh, thời hạn trả là 01 tháng. Hết thời hạn vay nhưng bà H không trả tiền cho bà, mặc dù bà đã nhiều lần nhắc nhở.

Đến ngày 31/8/2015, bà H tiếp tục vay thêm số tiền 25.000.000 đồng. Tổng cộng số tiền bà H vay của bà là 115.000.000 đồng, lãi suất theo thỏa thuận. Bà H có làm biên nhận nợ và có thế chấp cho bà 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông Nguyễn Việt D đứng tên. Bà H cam kết đến ngày 15/5/2019 sẽ trả tất nợ nhưng bà H không trả 01 lần mà trả nhiều lần kéo dài đến ngày 09/7/2019 thì ngưng, hiện bà H còn nợ bà số tiền 42.800.000 đồng. Nay bà yêu cầu bà H trả cho bà số tiền 42.800.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Khi nào bà H trả tiền xong, bà đồng ý trả giấy đất lại cho bà H và ông D. Bà không có yêu cầu gì đối với ông D.

**** Bị đơn bà Trần Mỹ H trình bày:***

Năm 2014, bà vay của bà Trần Thị Ngọc Th số tiền 60.000.000 đồng, đến ngày 21/5/2015 thì số tiền vốn và lãi là 97.000.000 đồng. Bà đã trả nhiều lần cho bà Th số tiền vốn và lãi trên, hiện bà còn nợ bà Th số tiền 17.800.000 đồng, nay bà đồng ý trả cho bà Th số tiền này.

Ngày 31/8/2015, bà vay của bà Th số tiền 25.000.000 đồng, bà có thế chấp cho bà Th 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01153 cấp ngày 16/8/2008 do ông Nguyễn Việt D đứng tên. Việc bà vay tiền của bà Th, ông D không biết. Sau khi vay, bà đã trả nhiều lần cho bà Th tổng số tiền vốn và lãi là 56.000.000 đồng. Ngày 09/7/2017, bà Th có viết giấy biên nhận đã nhận của bà số tiền 56.000.000 đồng và có ghi còn giữ giấy đất chưa trả lại cho bà. Do bà đã trả số tiền vay 25.000.000 đồng và tiền lãi là 31.000.000 đồng, tổng cộng 56.000.000 đồng cho bà Th xong nên nay bà không đồng ý với yêu cầu của bà Th buộc bà phải trả số tiền 25.000.000 đồng. Ngoài ra, bà và ông D có yêu cầu phản tố về việc yêu cầu bà Th giao trả lại cho bà và ông D 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01153 ngày 16/8/2008 do ông Nguyễn Việt D đứng tên.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Việt D trình bày:***

Ông và bà H có quan hệ vợ chồng. Ông có đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01153 cấp ngày 16/8/2008. Việc vợ của ông là bà H có

vay tiền của bà Th số tiền bao nhiêu ông không biết. Đến khi phát sinh tranh chấp thì ông mới biết bà H lấy giấy đất của ông thế chấp để vay tiền của bà Th. Nay ông yêu cầu bà Th trả lại cho vợ chồng ông 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01153 cấp ngày 16/8/2008 do ông Nguyễn Việt D đứng tên.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thanh T trình bày:***

Bà là chị ruột của bà Trần Thị Ngọc Th. Từ trước đến nay bà đã nhiều lần chứng kiến việc bà Th cho bà Trần Thị Hạnh mượn tiền nhưng cụ thể cho mượn số tiền bao nhiêu, thỏa thuận thời gian trả và cách trả như thế nào thì bà không biết. Đối với biên nhận ngày 31/8/2015 có nội dung bà H mượn của Thuyền số tiền 25.000.000 đồng có kèm giấy đất của ông Nguyễn Việt D để làm tin, bà không biết gì về biên nhận này. Từ trước đến nay bà không có cho bà H vay mượn tiền và bà cũng không có giữ giấy đất của ông D. Nay đối với tranh chấp giữa bà Th và bà H, bà không có ý kiến hay yêu cầu gì trong vụ án này, đồng thời, bà yêu cầu được vắng mặt tại các phiên hòa giải, công khai chứng cứ và xét xử vụ án.

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn bà Trần Thị Ngọc Th trình bày: Do bà H đã trả cho bà số tiền 17.800.000 đồng nên bà rút một phần yêu cầu khởi kiện. Bà chỉ yêu cầu bà H trả cho bà số tiền 25.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Khi bà H trả đủ tiền, bà đồng ý trả lại cho bà H và ông D 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông D đứng tên.

- Bị đơn bà Trần Mỹ H trình bày: Bà không đồng ý trả cho bà Th số tiền 25.000.000 đồng vì bà đã trả nợ xong nhưng bà Th chưa trả lại giấy đất cho bà. Nay bà yêu cầu bà Th trả cho bà và ông D 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông D đứng tên.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Việt D và bà Trần Thanh T có đơn xin vắng mặt.

- Kiểm sát viên phát biểu quan điểm:

+ Về tố tụng: Tòa án thụ lý vụ án, xác định quan hệ tranh chấp là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và Đòi lại tài sản", xác định tư cách đương sự và tiến hành thu thập chứng cứ đúng quy định.

+ Về nội dung: Đề nghị áp dụng Điều 256 và Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự: Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Th về việc buộc bà H trả số tiền 17.800.000 đồng; Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Th về việc buộc bà H trả số tiền 25.000.000

đồng; Chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của bà H và ông D, buộc bà Th trả cho bà H và ông D 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01153 cấp ngày 16/8/2008 do ông D đứng tên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn và bị đơn có giao kết hợp đồng vay tài sản, sau đó có phát sinh tranh chấp nên nguyên đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án, bị đơn có đơn phản tố đòi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do đó, quan hệ pháp luật trong vụ án này được xác định là "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và Đòi lại tài sản*". Đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự giữa cá nhân với cá nhân, được pháp luật dân sự điều chỉnh và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Khoản 2, Khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Việt D và bà Trần Thanh T có đơn xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông D, bà T theo quy định tại Khoản 1 Điều 227 và Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án:

Năm 2014, bà H có vay của bà Th số tiền 60.000.000 đồng. Bà H có viết giấy tay xác nhận có nợ bà Th tổng vốn và lãi là 97.000.000 đồng. Ngày 15/5/2019, bà H ghi xác nhận bà còn nợ bà Th số tiền 17.800.000 đồng và hẹn đến ngày 09/7/2019 (Âm lịch) sẽ trả đủ.

Ngày 31/8/2015, bà H có vay của bà Th số tiền 25.000.000 đồng, bà H có thế chấp cho bà Th 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01153 ngày 16/8/2008 do ông Nguyễn Việt D đứng tên. Việc bà H vay tiền của bà Th và thế chấp giấy đất, ông D không hay biết.

Theo bà Th, tổng số tiền bà H vay của bà là 115.000.000 đồng, có thế chấp 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông D đứng tên. Bà H cam kết đến ngày 15/5/2019 sẽ trả tất nợ nhưng bà H không trả 01 lần mà trả nhiều lần kéo dài đến ngày 09/7/2019 thì ngưng, hiện bà H còn nợ bà số tiền 42.800.000 đồng. Do bà H không trả nợ đúng thời gian thỏa thuận nên bà khởi kiện yêu cầu bà H trả số tiền nợ là 42.800.000 đồng.

Bà H thì cho rằng, đối với số tiền nợ gốc và lãi là 97.000.000 đồng, bà thừa nhận còn nợ lại số tiền 17.800.000 đồng, bà đồng ý trả cho bà Th số tiền này. Đối với số tiền vay 25.000.000 đồng, bà đã trả nhiều lần cho bà Th tổng số tiền vốn và lãi là 56.000.000 đồng. Ngày 09/7/2017, bà Th có viết giấy biên nhận đã nhận của bà số tiền 56.000.000 đồng và có ghi còn giữ giấy đất chưa trả lại cho bà. Bà không thừa nhận có vay của bà Th số tiền 56.000.000 đồng. Do bà đã trả nợ xong xong nên nay bà không đồng ý trả cho bà Th số tiền 25.000.000 đồng.

Ngoài ra, bà H và ông D có yêu cầu phản tố về việc yêu cầu bà Th giao trả 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01153 ngày 16/8/2008 do ông Nguyễn Việt D đứng tên.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[4.1] Đối với yêu cầu của bà Th buộc bà H trả số tiền 17.800.000 đồng:

Ngày 05/8/2020, bà H đã trả cho bà Th số tiền 17.800.000 đồng. Tại phiên tòa, bà Th rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc buộc bà H trả số tiền 17.800.000 đồng. Xét đây là sự tự nguyện của đương sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này của nguyên đơn theo quy định tại Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4.2] Đối với yêu cầu của bà Th buộc bà H trả số tiền 25.000.000 đồng:

Bà Th cung cấp 01 biên nhận viết tay ngày 31/8/2015 có nội dung: *"Trần Mỹ H có mượn của Thuyền (Hai mươi lăm triệu đồng chẵn) có kèm giấy đất của ông Nguyễn Việt D để làm niềm tin ngày hẹn trả là ngày 15/9/2015"*. Theo bà Th, "Thuyền" trong biên nhận trên là tên thường gọi của bà vì mọi người thường nhầm lẫn giữa bà và chị ruột của bà (Trần Thanh T). Phía bà Trần Thanh T – chị ruột của bà Th khẳng định bà chỉ chứng kiến việc vay tiền giữa bà Th và bà H, ngoài ra bà không liên quan gì đến việc vay tiền này.

Bà H thừa nhận có vay của bà Th số tiền 25.000.000 đồng và có thế chấp 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01153 cấp ngày 16/8/2008 do ông D đứng tên. Tuy nhiên, bà H cho rằng đã trả góp nhiều lần cho bà Th và bà đã góp đủ số tiền vốn 25.000.000 đồng, tiền lãi là 31.000.000 đồng, tổng cộng là 56.000.000 đồng nhưng bà Th chưa trả giấy đất lại cho bà. Ngày 09/7/2017, bà góp cho bà Th số tiền 7.300.000 đồng, bà Th có viết biên nhận cho bà về việc đã nhận đủ số tiền 56.000.000 đồng nhưng chưa trả lại giấy đất cho bà. Thời điểm đó bà còn nợ bà Th số tiền 17.800.000 đồng nên bà Th yêu cầu bà phải thanh toán cả số tiền này thì mới trả lại giấy đất cho bà. Do bà đã trả nợ xong nên nay

bà không đồng ý trả số tiền 25.000.000 đồng; đồng thời, yêu cầu bà Th trả lại cho bà và ông D giấy đất nêu trên vì đây là tài sản của vợ chồng bà.

Để chứng minh cho lời trình bày của mình, bà H cung cấp 01 Biên nhận ngày 09/7/2017 có nội dung: *"Tôi Trần Thị Ngọc Th có nhận của chị Trần Mỹ H số tiền là 7.300.000. bảy triệu ba trăm ngàn đồng. TC nhận 56.000.000 đồng năm mươi sáu triệu đồng. còn giữ bằng khoán của chị Hạnh chưa trả lại"*.

Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bà Th thừa nhận biên nhận ngày 09/7/2017 do bà tự viết và ký tên, bà đã nhận tổng số tiền 56.000.000 đồng do bà H trả cho bà nhưng là để trả cho khoản vay khác với số tiền nợ gốc là 40.000.000 đồng, tiền lãi là 16.000.000 đồng. Bà Th không nhớ thời gian cho bà H vay số tiền 40.000.000 đồng nêu trên và cũng không còn giữ biên nhận nợ. Tổng cộng bà Th đã cho bà H vay tiền 03 lần (ngày 09/01/2015, ngày 31/8/2015 và 01 lần vay 40.000.000 đồng không nhớ thời gian).

Hội đồng xét xử xét thấy, ngoài lời trình bày của mình, bà Th không đưa ra được chứng cứ để chứng minh khoản vay 40.000.000 đồng là có thật và cũng không nhớ thời gian cho vay tiền, phía bà H không thừa nhận có vay của bà Th số tiền 40.000.000 đồng. Đối chiếu các tài liệu chứng cứ cũng như lời trình bày của các đương sự cho thấy, thực tế giữa bà Th và bà H chỉ thực hiện giao dịch vay tiền với nhau 02 lần vào ngày 09/01/2015 (vốn, lãi 97.000.000 đồng) và ngày 31/8/2015 (vốn, lãi 56.000.000 đồng). Bà Th và bà H cùng thừa nhận, bà H chỉ thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01153 để vay của bà Th số tiền 25.000.000 đồng, ngoài ra không thế chấp giấy đất này để vay số tiền nào khác. Do đó, việc bà Th tự viết vào biên nhận *"... còn giữ bằng khoán của chị Hạnh chưa trả lại"* đã đủ cơ sở để xác định tờ biên nhận ngày 09/7/2017 là chứng cứ để chứng minh cho việc bà H đã trả nợ xong cho bà Th đối với khoản vay 25.000.000 đồng đã vay ngày 31/8/2015. Do đó, yêu cầu khởi kiện của bà Th đối với số tiền 25.000.000 đồng không có cơ sở để chấp nhận.

[5] Đối với yêu cầu phản tố của bà H và ông D:

Do bà H đã trả xong số tiền vay 25.000.000 đồng nên bà Th phải có nghĩa vụ trả lại giấy đất cho bà H. Ngoài ra, hiện giấy đất do ông D đang đứng tên, mặc dù bà H xác định đây là tài sản của vợ chồng nhưng khi bà H giao giấy đất cho bà Th thì ông D không hay biết, nay phía bà H và ông D cùng có đơn yêu cầu bà Th trả lại giấy đất là phù hợp nên cần buộc bà Th trả lại cho bà H, ông D 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01153 cấp ngày 16/8/2008 do ông Nguyễn Việt D đứng tên. Do đó, yêu cầu phản tố của bà H, ông D là có căn cứ nên được chấp nhận.

Từ những phân tích trên cho thấy, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên cần chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của bà Th không được chấp nhận nên bà Th phải chịu 5% án phí, cụ thể: (25.000.000 đồng x 5%) là 1.250.000 đồng. Bà H, ông D được chấp nhận yêu cầu phản tố nên bà Th phải chịu án phí không có giá ngạch với số tiền 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 26, Điều 35, Điều 227, Điều 228, Điều 244, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.
- Điều 256 và Điều 471 Bộ luật dân sự 2005.
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Ngọc Th về việc buộc bà Trần Mỹ H trả số tiền 17.800.000 đồng *(Mười bảy triệu tám trăm nghìn đồng).*

2/ Bác một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Ngọc Th về việc buộc bà Trần Mỹ H trả số tiền 25.000.000 đồng *(Hai mươi lăm triệu đồng)*.

3/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của bà Trần Mỹ H và ông Nguyễn Việt D.

Buộc bà Trần Thị Ngọc Th trả cho bà Trần Mỹ H và ông Nguyễn Việt D 01 *(một)* Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01153 do Ủy ban nhân dân huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ cấp ngày 16/8/2008 do ông Nguyễn Việt D đứng tên.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Thị Ngọc Th phải nộp số tiền 1.550.000 đồng *(Một triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng)*. Khấu trừ số tiền 1.070.000 đồng *(Một triệu không trăm bảy mươi nghìn đồng)* bà Th đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 010853 ngày 17/02/2020, bà Th phải nộp thêm số tiền 480.000 đồng *(Bốn trăm tám mươi nghìn đồng)*.

Bà Trần Mỹ H và ông Nguyễn Việt D được nhận lại số tiền 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu tạm ứng án phí số 011082 ngày 08/7/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt được quyền kháng cáo. Đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND Q. Ô Môn;
- Chi cục THADS Q. Ô Môn;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Bùi Trần Thanh Thế